

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Xây lắp

1.2. Tên dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường số 4 thôn Mạch Lũng

1.3. Quy mô đầu tư:

Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường số 4 thôn Mạch Lũng có tổng chiều dài khoảng 823,55m gồm các hạng mục: Đường giao thông, hệ thống thoát nước, đảm bảo an toàn giao thông, dịch chuyển đường ống nước sạch, đèn chiếu sáng và hạ tầng hào cáp kỹ thuật đặt chờ hạ ngầm hệ thống điện, viễn thông.

Giải pháp thiết kế:

a. Bình đồ tuyến: Tuyến được thiết kế bám theo quy hoạch và mặt đường hiện trạng. Tim thiết kế của tuyến được thiết kế căn cứ theo tim tuyến quy hoạch và tim tuyến đường hiện trạng. Tổng chiều dài 02 tuyến là $L=823,55m$. Trong đó tuyến 4.1 có chiều dài là: 604,08m, tuyến 4.2 có chiều dài là: 219,47m.

b. Trắc dọc tuyến: Cao độ thiết kế của tuyến đường căn cứ vào cao độ quy hoạch và cao độ hiện trạng tuyến đường và tuân thủ theo các quy trình, quy phạm hiện hành. Độ dốc dọc tuyến bám sát cao độ quy hoạch của tuyến và hiện trạng để giảm khối lượng đào đắp.

c. Trắc ngang tuyến: Căn cứ vào quy hoạch và hiện trạng tuyến đường.

- Tuyến 4.1: Thiết kế mặt đường có bề rộng $B_m=5-7,5m$ dốc ngang 2 mái 2%; dốc đan rãnh 10%. Hè đường hai bên, dốc hè 1,5% hướng vào tim; $B_h=0.5-2m$.

- Tuyến 4.2: Thiết kế mặt đường có bề rộng $B_m=7,5m$ dốc ngang 2 mái 2%; dốc đan rãnh 10%. Hè đường hai bên, dốc hè 1,5% hướng vào tim; $B_h=0.5-3.0m$.

d. Kết cấu mặt đường:

*Áp dụng kết cấu mặt đường cải tạo trên nền cũ (KC1):

+ Lớp BTNC 12,5 dày 7 cm; + Lớp bù vênh bằng BTNC 12,5; + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²; + Mặt đường BTXM hiện trạng tạo nhám, làm sạch.

*Áp dụng kết cấu mặt đường cải tạo trên nền cũ (KC2):

+ Lớp BTNC 12,5 dày 7 cm; + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; + Lớp bù vênh bằng CPĐD loại 1; + Mặt đường BTXM hiện trạng tạo nhám, làm sạch.

*Áp dụng kết cấu mặt đường làm mới (KC3):

+Lớp BTNC 12,5 dày 7 cm; + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²; + Lớp CPĐD loại 1 dày 15cm; + Lớp CPĐD loại 2 dày 25cm; + Lớp vải địa kỹ thuật không dệt 12KN/m; + Lớp cát đầm chặt K98 dày 50cm.

* Kết cấu vuốt nổi đường ngang dân sinh:

+ Lớp BTNC 12,5 dày 7 cm; + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m².

* Kết cấu lát vỉa hè (KC4):

+ Gạch bê tông vân đá KT: 40x40x5 cm; + Lớp vữa xi măng dày 2cm; + Lớp BTXM móng M150 dày 8cm; + Lớp nilong lót.

e. Kết cấu bó vỉa, đan rãnh:

Thiết kế 2 loại bó vỉa và đan rãnh: Bó vỉa loại 1 áp dụng cho tuyến 4.1 (đoạn tuyến từ ngã tư giao với tuyến 4.2 đến cuối tuyến) và tuyến 4.2. Kết cấu bó vỉa bằng BTXM M300 vân đá kích thước 26x18x100cm kết hợp với đan rãnh vân đá kích thước 50x30x6cm bằng BTXM M300. Bó vỉa loại 2 áp dụng cho tuyến 4.1 đoạn qua khu dân cư (từ đầu tuyến đến ngã tư giao với tuyến 4.2). Kết cấu bó vỉa bằng BTXM M300 vân đá kích thước 15x15x100cm kết hợp với đan rãnh vân đá kích thước 50x20x5cm bằng BTXM M300.

f. Vạch sơn:

Thiết kế đầy đủ hệ thống vạch sơn theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

Vạch sơn trên tuyến được dùng loại sơn vàng phản quang sơn trực tiếp lên mặt đường lớp BTN hoàn thiện đảm bảo kỹ thuật và có bề dày theo quy định. Các vạch sơn được sử dụng trên tuyến bao gồm các loại vạch sơn được phân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ 41:2024/BGTVT như sau:

+ Vạch số 1.1: Vạch phân chia hai chiều xe chạy (vạch tim đường).

+ Vạch sơn giảm tốc.

+ Vạch dẫn hướng.

g. Hạng mục thoát nước:

- Tuyến 4.1 thiết kế cống hộp thoát nước BxH=1.0x0.8m (cống nằm giữa tim tuyến). cống hộp tải trọng HL-93, đúc sẵn nối cống bằng phương pháp xảm, đốt cống dài 1,2m. Kết cấu móng cống đổ BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm trên lớp cát đệm dày 5cm. Cải tạo rãnh B300 bên phải tuyến: Nạo vét bùn lắng đáy rãnh, trát lại tường rãnh và thay thế tấm đan cũ hỏng.

- Tuyến 4.2 thiết kế cống hộp BxH=1.5x1.5m, cống hộp tải trọng HL-93, đúc sẵn nối cống bằng phương pháp xảm, đốt cống dài 1,2m. Kết cấu móng cống đổ BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm trên lớp cát đệm dày 5cm. Cải tạo rãnh B600 bên trái tuyến: Nạo vét bùn lắng đáy rãnh, cạo trát lại tường rãnh và thay thế một số tấm đan bị hư hỏng.

- Hồ ga thu các loại: móng đổ BTXM M150 đá 1x2 dày 15cm trên lớp đệm cát dày 5cm. Thân hồ ga xây bằng gạch không nung VXM M75.

- Hồ ga thăm (ga cống hộp BxH=1.0x0.8m) móng đổ BTCT M150 đá 1x2 trên lớp đệm cát dày 5cm. Thân hồ ga xây gạch không nung, thành dày 33cm. Tấm đan BTCT chịu lực M250 đá 1x2 và thiết kế nắp ga thăm nắp tròn bằng composite có kích thước 900x900xN650, tải trọng 40T.

- Hồ ga thăm (ga cống hộp BxH=1.5x1.5m) móng đổ BTCT M150 đá 1x2 trên lớp đệm cát dày 10cm. Thân hồ ga đổ BTCT M250, thành dày 20cm. Tấm đan BTCT chịu lực M250 đá 1x2

thu cở hồ ga và thiết kế nắp ga thăm nắp tròn bằng composite có kích thước 900x900xN650, tải trọng 40T.

- Cải tạo lại hồ ga hiện trạng tuyến 4.1 (ga cồng hộp BxH=1.2x1.2m), nạo vét đáy ga và thay tấm đan hồ ga thăm có nắp tròn bằng composite có kích thước 900x900xN650, tải trọng 40T đồng bộ với dự án.

h. Nước sạch:

- Dịch chuyển đường ống nước sạch đặt sát bó vỉa sao cho phù hợp tránh chồm lấn với rãnh và hồ ga.

- Dịch chuyển đồng hồ đo nước sạch nhà dân đặt sát tường nhà dân hiện trạng.

i. Điện chiếu sáng:

Thiết kế mới hệ thống chiếu sáng đấu nối vào hệ thống đường điện hiện trạng. Hệ thống chiếu sáng bao gồm các tủ chiếu sáng, các đèn chiếu sáng cao áp. Nguồn cấp cho các đèn bao gồm cáp ngầm 0,4kV loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV.

k. Hạ ngầm hệ thống điện, viễn thông:

Thiết kế hệ thống hạ tầng ga kỹ thuật, hào cáp đường ống đặt chờ cho việc hạ ngầm hệ thống điện, viễn thông.

- Tuyến trung áp: Bố trí 2 ống chờ HDPE D195/150 để chờ cáp điện trung thế.

- Tuyến hạ áp cáp điện chính: Bố trí 3 ống HDPE D130/100 chôn ngầm trên hè, lòng đường để chờ cáp điện hạ thế.

- Hệ thống thông tin viễn thông: Sử dụng PVC D110 chôn ngầm trên hè, lòng đường, cùng song song với ống điện hạ thế để chờ hạ ngầm hệ thống thông tin, viễn thông.

- Trên tuyến bố trí các hồ ga để phục vụ công tác kéo rải dây cáp điện, chiếu sáng, viễn thông sau này khi tiến hành hạ ngầm.

** Chi tiết theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.*

2. Thời gian thực hiện gói thầu: 360 ngày.

3. Giá gói thầu: Khối lượng và Dự toán (Giá) gói thầu đang được lập tương ứng mức thuế VAT là 10%. Để có căn cứ đưa về một mặt bằng đánh giá về tài chính, nhà thầu phải lập giá dự thầu chào cụ thể mức thuế VAT. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian thi công tính theo ngày dương lịch (kể cả ngày làm việc và các ngày nghỉ lễ). Nhà thầu tự xây dựng tiến độ cho mình bao gồm: Tổng tiến độ thi công cả công trình, tiến độ thi công từng hạng mục công trình.

Thời gian thi công tính từ ngày khởi công theo yêu cầu của chủ đầu tư cho đến ngày hoàn thành, nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng (ghi rõ tổng số ngày thi công). Tài liệu và tiến độ thực hiện hợp đồng bao gồm: biểu tiến độ thi công, tiến độ thi công chi tiết, thuyết minh

các điều kiện đảm bảo tiến độ thi công; biện pháp bảo đảm tiến độ phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp kỹ thuật thi công đề xuất thực hiện gói thầu.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành. Các giải pháp công nghệ do nhà thầu chọn và lập nhưng phải đảm bảo giải pháp thi công là hợp lý và phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt, tuân thủ các quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

1) Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

a) Yêu cầu chung:

Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng; Vật tư, thiết bị phải đảm bảo chất lượng, quy cách, chủng loại theo đúng yêu cầu của thiết kế được duyệt, khuyến khích các nhà thầu sử dụng các loại vật liệu tốt hơn yêu cầu của thiết kế để đưa vào công trình. Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư của các nhà sản xuất có giấy phép sản xuất, có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn do cơ quan có chức năng của Việt Nam cấp, sản phẩm đạt chất lượng cao được thừa nhận trên thị trường; Không được sử dụng các loại sản phẩm có chất lượng không ổn định, công nghệ sản xuất lạc hậu hoặc các sản phẩm không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng...

Vật tư, vật liệu trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý, phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản. Trường hợp có sự thay đổi quy cách, chủng loại, xuất xứ vật tư, thiết bị thì phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư mới được thực hiện. Sau khi được phép thay đổi thì bên B phải thử mẫu tại một đơn vị kiểm định có pháp nhân, có năng lực và được Chủ đầu tư chấp thuận. Đưa kết quả thử mẫu làm cơ sở xem xét kết luận, chi phí do Nhà thầu chi trả.

Trường hợp các đề xuất vật tư không đáp ứng thì Chủ đầu tư có quyền chỉ định các loại vật tư, vật liệu, thiết bị và nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng yêu cầu.

b) Yêu cầu cụ thể về đặc tính, thông số kỹ thuật, chủng loại một số loại vật tư, thiết bị chủ yếu sử dụng cho gói thầu:

b.1) Yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư sử dụng cho công trình:

Nhà thầu phải có bảng cam kết các vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình đáp ứng tối thiểu các thông số về kỹ thuật như sau:

STT	Loại vật tư, vật liệu	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	Nhãn hiệu, xuất xứ vật liệu khuyến khích
1.	Thép các loại	Cơ tính và quy cách tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn theo chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất. - Thép tròn: TCVN 1651-2018. - Thép hình: TCVN 7571-2019. - Cường độ thép theo Bản vẽ thiết kế thi công	Thép Hòa Phát, Việt Nhật, Việt Ý hoặc tương đương
2.	Xi măng	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành; - TCVN 2682:2020; TCVN 6260:2020 Xi măng PCB 30. - Có chứng nhận hợp quy.	Xi măng Hoàng Long, Hoàng Thạch, Chinfon hoặc tương đương
3.	Vật liệu rời: Cát, đá các loại, cấp phối đá dăm	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành; - Cát: TCVN 7570:2006 Vùng 2 - Đá: TCVN 4453-1995; TCVN 4085:2011; TCVN 573:2011 Vùng 2	Sông Lô, mỏ cát tại địa phương hoặc tương đương
4.	Gạch không nung; gạch bê tông;	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành; - Gạch đặc bê tông (gạch không nung) mác >75; kích thước 65x105x220 hoặc kích thước theo nhà sản xuất. Có chứng nhận hợp quy. - TCVN 6477:2016 (Gạch bê tông)	Gạch nhà máy loại 1 hoặc tương đương
5.	Nắp ga Composite	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Trường Sơn, Thái Nguyên hoặc tương đương
6.	Cống hộp	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Hà Thanh, Sông Đáy, Amacao hoặc tương đương
7.	Bê tông nhựa, nhựa bitum	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành; - Theo TCVN 8819:2011	

STT	Loại vật tư, vật liệu	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	Nhãn hiệu, xuất xứ vật liệu khuyến khích
8.	Bó via	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	
9.	Vật tư điện: - Cáp ngầm - Dây điện - Cầu đèn, chóa đèn, đèn các loại - Cột đèn, cột thép - Cọc tiếp địa, dây tiếp địa	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	

2) Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

Đề xuất các quy trình thi công và nghiệm thu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho các công tác chính của gói thầu. Trong nội dung trình bày về thi công và nghiệm thu các công tác chính của gói thầu nhà thầu lưu ý trình bày/thuyết minh về máy móc phục vụ thi công; số lượng, vị trí nhân sự bố trí và các yêu tố cần thiết khác để làm cơ sở đánh giá xem xét tính phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.

- Các hạng mục chính của gói thầu bao gồm: Nền mặt đường, Thoát nước, Chiếu sáng, Di chuyển nước sạch, ... Nhà thầu có thể tự phân chia và thuyết minh trong đề xuất kỹ thuật.

- Các công tác chính của gói thầu bao gồm:

- + Công tác đào, đắp;
- + Công tác vận chuyển đất đá, phế thải xây dựng;
- + Công tác ván khuôn, cốt thép, bê tông;
- + Công tác xây, trát, lát;
- + Công tác rải vải địa kỹ thuật;
- + Công tác thi công móng cấp phối đá dăm, tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường, rải thảm mặt đường bê tông nhựa;
- + Công tác thi công bó vỉa;
- + Công tác thi công hệ thống thoát nước: thi công lắp đặt cống hộp BTCT, thi công hố ga các loại;
- + Công tác thi công lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng;
- + Công tác thi công di chuyển đường ống cấp nước
- + Các công tác khác (do nhà thầu nghiên cứu và đề xuất thêm nếu cần thiết).

3) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

a) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường: Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh như biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải, nước thải và thu dọn hiện trường; biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định;

Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải chú ý có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường. Nhà thầu phải có cam kết đổ thải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của pháp luật về xây dựng; cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong trường hợp tổ chức, cá nhân của nhà thầu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.

b) Bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy: Nhà thầu tự lập phương án và tổ chức thi công đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ; mọi sự cố xảy ra nhà thầu phải chịu trách nhiệm. Trường hợp có sự cố nhà thầu phải báo cáo kịp thời và phối hợp với các cơ quan

chức năng, chủ đầu tư để xác định nguyên nhân và khắc phục hậu quả, các chi phí phát sinh do việc xảy ra do nhà thầu chịu trách nhiệm.

c) Bảo đảm an toàn lao động: Trong quá trình thi công nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công làm việc trên công trường; phải bố trí người có đủ năng lực theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn thi công, tạm dừng hoặc dừng thi công khi phát hiện có sự cố gây mất an toàn, vi phạm an toàn. Nhà thầu phải đề xuất và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc thiết bị, tài sản, công trình đang thi công, công trình ngầm và các công trình liền kề; máy, thiết bị, vật tư phục vụ thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định về an toàn trước khi sử dụng. Biện pháp an toàn phải cụ thể, chi tiết và phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật.

Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường (*nhà thầu đề xuất*) phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì nhà thầu có trách nhiệm phải bố trí người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;

Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

4) Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

+ Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình do mình thi công. Nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm bảo hành thiết bị do mình cung cấp. Nội dung bảo hành bao gồm tối thiểu việc khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của nhà thầu gây ra.

+ Thời gian bảo hành công trình, thiết bị công trình tối thiểu là 12 tháng tính từ thời điểm được Chủ đầu tư nghiệm thu. Thời gian bảo hành thiết bị (nếu có) không ngắn hơn thời gian bảo hành quy định của nhà sản xuất và được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt, vận hành thiết bị.

+ Biện pháp, hình thức bảo hành: bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoặc hình thức khác trong trường hợp được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;

+ Giá trị bảo hành công trình: Tối thiểu là 5% giá trị hợp đồng hoặc giá trị khác nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận;

+ Việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành, tài sản đảm bảo, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác có giá trị tương đương: Cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng;

Các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành, tài sản bảo đảm, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành.

5) Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

a) Kiểm tra chất lượng các hạng mục:

Việc kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình được thể hiện trong hợp đồng và phải tuân thủ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các Nghị định sửa đổi, bổ sung/thay thế (nếu có).

Việc kiểm tra chất lượng công trình được tiến hành khi Nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu các phần công việc để chuyển tiếp giai đoạn thi công hoặc kết thúc công tác xây lắp của hạng mục công trình, hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi trong quá trình thi công giám sát kỹ thuật thi công thấy không đảm bảo và tin cậy về mặt kỹ thuật.

Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng sản phẩm mình đã thi công và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu, bán thành phẩm cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giai đoạn thi công bằng văn bản có xác nhận của cơ quan có tư cách pháp nhân. Các số liệu trên là một trong các căn cứ để nghiệm thu công trình.

Nhà thầu phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư khi xem xét thấy cần thiết để bảo đảm chất lượng công trình.

Khi kiểm tra chất lượng công trình, nếu kết quả không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì Nhà thầu phải sửa chữa hoặc tháo dỡ làm lại sản phẩm đó bằng chính kinh phí của mình. Đồng thời phải có chứng chỉ chất lượng công trình của các công việc sửa chữa, làm lại đó.

b) Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành. Áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài khi không có tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng hoặc tiêu chuẩn nước ngoài đã được Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước cho phép sử dụng.

Các giải pháp công nghệ do nhà thầu chọn và lập nhưng phải đảm bảo giải pháp thi công là hợp lý, tuân thủ các quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

c) Trao đổi công việc:

Mọi kiến nghị, yêu cầu của Nhà thầu liên quan đến xây lắp công trình đối với Chủ đầu tư đều phải thực hiện bằng văn bản và phải lưu trữ trong hồ sơ.

Các quyết định giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của Nhà thầu, các quyết định chỉ đạo của Chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền giải quyết cũng phải bằng văn bản.

Chỉ có Chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền (bằng văn bản) mới có quyền đưa ra các chỉ thị, quyết định đối với Nhà thầu.

d) Các mốc thi công:

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ ranh giới tại công trường, Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ ranh giới trong suốt quá trình thi công, đồng thời phải xây dựng mốc phụ để khi cần thiết sẽ khôi phục lại.

6) Các yêu cầu khác:

a. Yêu cầu về thiết bị thi công:

- Máy móc, thiết bị đưa vào thi công công trình đảm bảo có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, có kiểm định theo quy định, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Máy móc, thiết bị thi công đưa vào công trường nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo vận hành tốt và an toàn.

b. Tài liệu chứng minh kinh nghiệm:

b.1) Đối toàn bộ nhân sự nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06B và Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan; Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình, Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường (hoặc tương đương) và Quyết định phê duyệt dự án (hoặc các tài liệu khác chứng minh loại và cấp công trình) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

b.2) Đối với tài liệu chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản sao hóa đơn hoặc giấy đăng ký và bản sao đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực (đối với các thiết bị có quy định về kiểm định. Đối với các thiết bị đi thuê, ngoài các tài liệu nêu trên, nhà thầu cung cấp hợp đồng nguyên tắc thuê máy) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ thiết kế là tệp tin PDF được đính kèm trên Hệ thống.